



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-35
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10-11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12-35



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội là công ty cổ phần được chuyển đổi (cổ phần hóa) từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Chế tạo Điện cơ Hà Nội theo Quyết định số 1531/QĐ-BCT ngày 25 tháng 03 năm 2009 và Quyết định số 3013/QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động sản xuất kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/07/2009 căn cứ vào Công văn số 7224/BCT-TC ngày 27/07/2009 của Bộ Công thương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100456, đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 21/04/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Ủy viên	
Ông Phạm Mạnh Hà	Ủy viên	
Ông Đoàn Văn Quý	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2014
Bà Nguyễn Thị Thanh Yến	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2014
Ông Nguyễn Kiến Thiết	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 15/04/2014
Bà Nguyễn Thị Thanh Mai	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 15/04/2014

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Mạnh Hà	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hà Tiến Lực	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Mai	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Minh Cúc	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15/04/2014
Bà Đoàn Thị Lan Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2014
Ông Tạ Đình Lân	Thành viên	
Bà Dương Việt Nga	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 15/04/2014
Ông Phạm Tuấn Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/04/2014

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Mạnh Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội được lập ngày 21 tháng 01 năm 2015, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2013-002-1

Vũ Xuân Biễn

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		263.189.019.182	244.385.491.352
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	18.095.793.648	52.978.788.551
111	1. Tiền		6.498.793.648	7.664.788.551
112	2. Các khoản tương đương tiền		11.597.000.000	45.314.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	100.628.000.000	54.723.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		100.628.000.000	54.723.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		103.378.607.081	98.156.269.841
131	1. Phải thu của khách hàng		102.969.872.097	98.691.770.732
132	2. Trả trước cho người bán		1.303.295.774	303.930.812
135	5. Các khoản phải thu khác	5	187.379.997	302.232.738
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.081.940.787)	(1.141.664.441)
140	IV. Hàng tồn kho	6	39.782.872.337	37.195.502.568
141	1. Hàng tồn kho		39.782.872.337	37.195.502.568
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.303.746.116	1.331.930.392
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		384.757.564	189.641.775
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	7	918.988.552	1.142.288.617
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		371.285.674.159	394.373.074.327
220	II. Tài sản cố định		70.589.751.645	66.843.047.416
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	70.526.418.308	66.842.389.365
222	- Nguyên giá		152.289.916.533	141.481.908.916
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(81.763.498.225)	(74.639.519.551)
227	3. Tài sản cố định vô hình		63.333.337	658.051
228	- Nguyên giá		122.381.873	63.381.873
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(59.048.536)	(62.723.822)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9	296.891.931.192	319.817.466.270
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		296.891.931.192	319.817.466.270
260	V. Tài sản dài hạn khác		3.803.991.322	7.712.560.641
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	3.754.026.572	7.623.426.443
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.2	49.964.750	89.134.198
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		634.474.693.341	638.758.565.679

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		76.063.749.778	88.288.820.074
310	I. Nợ ngắn hạn		71.659.232.373	81.618.022.830
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	11.229.600.000	14.866.800.000
312	2. Phải trả người bán		21.928.470.395	31.515.945.046
313	3. Người mua trả tiền trước		1.657.014.749	215.354.396
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	6.096.878.752	5.409.196.894
315	5. Phải trả người lao động		12.842.502.047	13.875.898.707
316	6. Chi phí phải trả	13	1.052.753.611	842.888.700
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	14	825.973.703	1.342.419.076
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	15	11.411.777.299	9.526.611.959
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.614.261.817	4.022.908.052
330	II. Nợ dài hạn		4.404.517.405	6.670.797.244
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		2.767.517.405	4.670.797.244
339	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	16	1.637.000.000	2.000.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		541.783.265.506	532.717.042.805
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	540.839.863.753	531.802.177.787
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		322.450.000.000	322.450.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		241.768.693	241.768.693
414	4. Cổ phiếu quỹ		(1.589.412.600)	(1.589.412.600)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		2.226.771.437	2.035.375.855
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		1.819.871.385	1.419.871.385
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		215.690.864.838	207.244.574.454
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	18	943.401.753	914.865.018
432	1. Nguồn kinh phí		-	(205.065.303)
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		943.401.753	1.119.930.321
439	C. LỢI ÍCH CỎ ĐÔNG THIỂU SỐ		16.627.678.057	17.752.702.800
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		634.474.693.341	638.758.565.679

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	31/12/2014	01/01/2014
4. Nợ khó đòi đã xử lý	3.706.210.146	3.812.210.146
5. Ngoại tệ các loại		
- Đồng đô la Mỹ (USD)	382,89	8.381,33



Dương Việt Nga
Người lập



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng



Phạm Mạnh Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	493.111.596.084	490.269.129.983
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	3.224.271.816	1.015.752.777
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	489.887.324.268	489.253.377.206
11	4. Giá vốn hàng bán	22	418.355.898.174	391.190.086.293
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		71.531.426.094	98.063.290.913
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	67.544.664.133	48.214.296.219
22	7. Chi phí tài chính	24	966.718.685	3.516.601.040
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		963.605.706	3.313.418.112
24	8. Chi phí bán hàng	25	22.672.921.254	29.679.117.216
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31.159.691.512	36.943.942.679
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		84.276.758.776	76.137.926.197
31	11. Thu nhập khác	27	1.444.460.246	2.798.359.802
32	12. Chi phí khác	28	262.282.439	1.420.071.084
40	13. Lợi nhuận khác		1.182.177.807	1.378.288.718
45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		(22.925.535.078)	1.968.836.851
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		62.533.401.505	79.485.051.766
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30.1	5.020.916.833	6.646.207.041
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	30.2	39.169.448	875.150.358
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		57.473.315.224	71.963.694.367
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		1.734.375.850	3.817.479.213
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		55.738.939.374	68.146.215.154
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	1.737	2.123

Dương Việt Nga
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng



Phạm Mạnh Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2014

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		534.793.148.427	469.829.010.282
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(454.574.175.121)	(382.658.267.118)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(50.819.878.002)	(50.862.106.870)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(1.078.869.484)	(3.382.643.716)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(5.728.953.503)	(7.005.921.922)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		10.969.645.531	18.756.044.152
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(32.140.308.175)	(83.183.655.435)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.420.609.673	(38.507.540.627)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(9.466.139.589)	(1.077.660.280)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		94.875.000	1.168.928.182
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(162.473.000.000)	(135.941.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		116.568.000.000	99.180.000.000
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	11.306.881.148
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		67.524.855.086	82.710.807.938
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		12.248.590.497	57.347.956.988
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(1.589.412.600)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		29.345.645.881	19.739.200.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(32.982.845.881)	(68.105.100.000)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(44.915.276.000)	(35.141.860.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(48.552.476.000)	(85.097.172.600)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(34.883.275.830)	(66.256.756.239)

01
 CÔNG
 CHẾ
 TẠO
 ĐIỆN
 CƠ
 HÀ
 NỘI
 A
 14

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2014

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		52.978.788.551	119.238.918.723
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		280.927	(3.373.933)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	<u>18.095.793.648</u>	<u>52.978.788.551</u>



Dương Việt Nga
Người lập



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng



Phạm Mạnh Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Năm 2014***1 . THÔNG TIN CHUNG****1.1 . Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội là công ty cổ phần được chuyển đổi (cổ phần hóa) từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Chế tạo Điện cơ Hà Nội theo Quyết định số 1531/QĐ-BCT ngày 25 tháng 03 năm 2009 và Quyết định số 3013/QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động sản xuất kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/07/2009 căn cứ vào Công văn số 7224/BCT-TC ngày 27/07/2009 của Bộ Công thương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100456, đăng ký lần đầu ngày 03/07/2009, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 21/04/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 322.450.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 322.450.000.000 đồng; tương đương 32.245.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Các công ty con do Công ty sở hữu trực tiếp được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2014 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	Thành phố Hồ Chí Minh	70.02%	70.02%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Thành phố Hà Nội	51.35%	51.35%	Đào tạo, bồi dưỡng cao đẳng và dạy nghề

Công ty liên kết của Công ty được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 như sau:

Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD

Thông tin bổ sung về các công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 9.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Thiết kế, chế tạo, sửa chữa, lắp đặt và kinh doanh các loại động cơ điện, máy phát điện, máy bơm, máy biến áp, hệ thống tủ điện, thiết bị điện cao áp và hạ áp dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thi công, lắp đặt công trình, đường dây, trạm thủy điện và trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng máy móc;
- Kinh doanh bất động sản, khách sạn, cho thuê văn phòng.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2014. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm kế toán với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

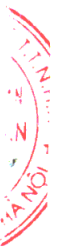
Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

2.4 . Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.



2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 45	năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 15	năm
- Phương tiện vận tải	05 - 12	năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 06	năm
- Phần mềm máy tính	03 - 05	năm

2.10 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.11 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.14 . Các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty và thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.16 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản/tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

STT
ĐƠN
- NHỊ
3 KI
AA
KIỂM

2.17 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

2.20 . Các bên liên quan

Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	361.868.970	274.984.684
Tiền gửi ngân hàng	6.136.924.678	7.389.803.867
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	11.597.000.000	45.314.000.000
	<u>18.095.793.648</u>	<u>52.978.788.551</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 1 năm	90.628.000.000	44.723.000.000
Phải thu Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương tiền cho vay	10.000.000.000	10.000.000.000
	<u>100.628.000.000</u>	<u>54.723.000.000</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	142.202.292	176.095.083
Phải thu người lao động về thuế thu nhập cá nhân	9.672.105	10.034.355
Phải thu khác	35.505.600	116.103.300
	<u>187.379.997</u>	<u>302.232.738</u>

6 . HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	665.834.033
Nguyên liệu, vật liệu	14.368.331.086	9.190.689.228
Công cụ, dụng cụ	657.103.158	512.858.367
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.354.159.178	2.433.706.028
Thành phẩm	20.438.166.153	23.773.712.414
Hàng hoá	965.112.762	618.702.498
	<u>39.782.872.337</u>	<u>37.195.502.568</u>

7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tạm ứng	803.869.000	1.138.020.000
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	115.119.552	4.268.617
	<u>918.988.552</u>	<u>1.142.288.617</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2014	61.818.122.957	63.198.937.994	14.884.857.289	1.579.990.676	141.481.908.916
Mua sắm	-	7.499.198.373	631.343.908	-	8.130.542.281
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.531.663.719	617.000.000	46.352.711	-	3.195.016.430
Thanh lý, nhượng bán	-	(41.730.000)	(35.000.000)	-	(76.730.000)
Giảm TSCĐ không đủ điều kiện ghi nhận	(79.621.474)	(361.199.620)	-	-	(440.821.094)
Tại ngày 31/12/2014	64.270.165.202	70.912.206.747	15.527.553.908	1.579.990.676	152.289.916.533
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2014	24.553.402.152	40.009.734.051	9.141.216.527	935.166.821	74.639.519.551
Trích khấu hao	2.080.845.002	4.100.639.013	1.301.121.925	158.923.828	7.641.529.768
Thanh lý, nhượng bán	-	(41.730.000)	(35.000.000)	-	(76.730.000)
Giảm TSCĐ không đủ điều kiện ghi nhận	(79.621.474)	(361.199.620)	-	-	(440.821.094)
Tại ngày 31/12/2014	26.554.625.680	43.707.443.444	10.407.338.452	1.094.090.649	81.763.498.225
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2014	37.264.720.805	23.189.203.943	5.743.640.762	644.823.855	66.842.389.365
Tại ngày 31/12/2014	37.715.539.522	27.204.763.303	5.120.215.456	485.900.027	70.526.418.308

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 19.579.814.310 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	296.891.931.192	319.817.466.270
Công ty TNHH SAS-CTAMAD	296.891.931.192	319.817.466.270
	<u>296.891.931.192</u>	<u>319.817.466.270</u>

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2014 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH SAS-CTAMAD	Thành phố Hà Nội	35,00%	35,00%	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất	-	2.867.488.542
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	398.858.338	1.212.926.537
Chi phí sửa chữa tài sản	962.068.422	692.143.425
Chi phí tiền thuê đất phân bổ	2.393.099.812	2.481.097.204
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	369.770.735
	<u>3.754.026.572</u>	<u>7.623.426.443</u>

11 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn	11.229.600.000	14.866.800.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Phòng giao dịch Cầu Diễn	-	3.500.000.000
Công đoàn Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ⁽¹⁾	1.150.000.000	900.000.000
Công đoàn Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội ⁽²⁾	100.000.000	-
Cán bộ công nhân viên ⁽³⁾	9.979.600.000	10.466.800.000
	<u>11.229.600.000</u>	<u>14.866.800.000</u>

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(1) Bao gồm 02 hợp đồng vay vốn sau:

1.1 Hợp đồng vay vốn số 01/2014/HĐVV/TCKT ngày 22/04/2014 và phụ lục hợp đồng vay vốn ngày 20/11/2014, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền vay: 950.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: không xác định thời hạn;
- + Lãi suất cho vay: 6% năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2014: 950.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

1.2 Hợp đồng vay vốn số 02/2014/HĐVV/TCKT ngày 15/10/2014, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền vay: 200.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: không xác định thời hạn;
- + Lãi suất cho vay: 6% năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2014: 200.000.000 đồng.

(2) Hợp đồng vay vốn số 03/2014/HĐVV/TCKT ngày 27/10/2014, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền vay: 100.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: không xác định thời hạn;
- + Lãi suất cho vay: 6% năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2014: 100.000.000 đồng.

(3) Huy động vốn vay của cán bộ công nhân viên Công ty để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, với lãi suất huy động phù hợp với lãi suất thị trường trong từng thời kỳ, thời hạn vay không xác định.

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	4.249.045.993	3.008.122.023
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.717.055.001	2.303.704.171
Thuế Thu nhập cá nhân	96.626.800	97.370.700
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	34.150.958	-
	<u>6.096.878.752</u>	<u>5.409.196.894</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trích trước chi phí vận chuyển	362.980.000	163.340.000
Chi phí lãi vay phải trả	265.521.622	380.785.400
Chi phí phải trả khác	424.251.989	298.763.300
	<u>1.052.753.611</u>	<u>842.888.700</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	96.068.208	162.465.620
Bảo hiểm xã hội	107.868.144	10.014.705
Bảo hiểm y tế	14.852.924	-
Bảo hiểm thất nghiệp	6.619.239	-
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	-	95.000.000
Thu tiền Đề tài nghiên cứu Bom làm mát 150 m3	99.510.000	671.500.000
Phải trả tiền khám sức khỏe	25.901.451	59.591.951
Phải trả tiền ký cược sách thư viện	244.145.000	221.000.000
Phải trả cổ tức cho cổ đông	9.842.000	-
Phải trả về bảo hộ lao động	71.020.000	72.150.000
Phải trả, phải nộp khác	150.146.737	50.696.800
	825.973.703	1.342.419.076

15 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	9.526.611.959	5.003.803.146
Trích lập trong năm	8.026.020.958	7.472.350.011
Hoàn nhập trong năm	(6.140.855.618)	(2.949.541.198)
	11.411.777.299	9.526.611.959

Toàn bộ số dư dự phòng phải trả ngắn hạn tại ngày 31/12/2014 là dự phòng phải trả về bảo hành hàng hóa, thành phẩm của Công ty.

16 . QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	2.000.000.000	-
Trích lập quỹ	-	2.000.000.000
Sử dụng quỹ	(363.000.000)	-
	1.637.000.000	2.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	320.000.000.000	91.683.218	-	3.274.987.693	1.092.446.401	144.144.871.242	468.603.988.554
Tăng vốn	2.450.000.000	150.085.475	-	-	-	-	2.600.085.475
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	68.146.215.154	68.146.215.154
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	175.998.838	400.000.000	(2.247.286.439)	(1.671.287.601)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(1.589.412.600)	-	-	-	(1.589.412.600)
Giảm khác	-	-	-	(1.415.610.676)	(72.575.016)	(2.799.225.503)	(4.287.411.195)
Tại ngày 31/12/2013	322.450.000.000	241.768.693	(1.589.412.600)	2.035.375.855	1.419.871.385	207.244.574.454	531.802.177.787
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	55.738.939.374	55.738.939.374
Phân phối lợi nhuận công ty mẹ	-	-	-	-	400.000.000	(1.700.000.000)	(1.300.000.000)
Chi trả cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(44.925.118.000)	(44.925.118.000)
Phân phối lợi nhuận công ty con	-	-	-	191.395.582	-	(667.530.990)	(476.135.408)
Tại ngày 31/12/2014	322.450.000.000	241.768.693	(1.589.412.600)	2.226.771.437	1.819.871.385	215.690.864.838	540.839.863.753

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên ngày 15/04/2014, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2013 tại công ty mẹ như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2013 trên báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ	100,00%	57.570.334.497
Trích Quỹ dự phòng tài chính	0,69%	400.000.000
Trích Quỹ thưởng ban điều hành	0,52%	300.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1,74%	1.000.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 14% vốn điều lệ)	78,04%	44.925.118.000
Lợi nhuận chưa phân phối còn lại	19,01%	10.945.216.497

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	31/12/2014 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2014 VND
Vốn góp của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	65,84%	212.287.500.000	81,34%	262.287.500.000
Vốn góp của cổ đông khác	33,68%	108.606.200.000	18,18%	58.606.200.000
Cổ phiếu quỹ	0,48%	1.556.300.000	0,48%	1.556.300.000
	100%	322.450.000.000	100%	322.450.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	322.450.000.000	322.450.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	322.450.000.000	320.000.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	2.450.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	322.450.000.000	322.450.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	44.925.118.000	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	44.925.118.000	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.245.000	32.245.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.245.000	32.245.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.245.000	32.245.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	155.630	155.630
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	155.630	155.630
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.089.370	32.089.370
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.089.370	32.089.370
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.226.771.437	2.035.375.855
Quỹ dự phòng tài chính	1.819.871.385	1.419.871.385
	4.046.642.822	3.455.247.240

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

18 . NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	914.865.018	1.160.467.224
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	654.165.000	2.013.700.000
Chi sự nghiệp	(449.099.697)	(2.107.315.303)
Trích khấu hao tài sản từ nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	(176.528.568)	(151.986.903)
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	943.401.753	914.865.018

Nguồn kinh phí tại ngày 31/12/2014 của Công ty do Nhà nước cấp để phục vụ nghiên cứu Đề tài Sản xuất Bơm làm mát công suất 150m³ phục vụ sản xuất nông nghiệp.

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	241.577.244.023	279.749.346.166
Doanh thu bán hàng hóa	161.734.354.194	150.793.846.741
Doanh thu cung cấp dịch vụ	89.799.997.867	59.725.937.076
	493.111.596.084	490.269.129.983

20 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	3.224.271.816	1.015.752.777
	3.224.271.816	1.015.752.777

21 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	238.352.972.207	278.764.083.789
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	161.734.354.194	150.763.356.341
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	89.799.997.867	59.725.937.076
	489.887.324.268	489.253.377.206

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	189.957.997.684	198.643.862.046
Giá vốn của hàng hóa đã bán	158.778.359.348	147.478.615.455
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	69.619.541.142	45.067.608.792
	418.355.898.174	391.190.086.293

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	7.196.163.962	5.439.259.686
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	4.066.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	60.294.798.333	42.626.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	18.838.314	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	34.863.524	3.373.933
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	141.596.600
	67.544.664.133	48.214.296.219

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	963.605.706	3.313.418.112
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	85.630.180
Chi phí chuyển nhượng khoản đầu tư	-	68.162.804
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.112.979	33.041.944
Chi phí tài chính khác	-	16.348.000
	966.718.685	3.516.601.040

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	1.272.642.988	1.195.124.806
Chi phí nhân công	1.899.204.115	2.346.606.641
Chi phí khấu hao tài sản cố định	292.729.781	349.640.757
Chi phí bảo hành	2.178.815.725	4.668.474.730
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.009.562.580	5.665.477.585
Chi phí khác bằng tiền	10.019.966.065	15.453.792.697
	22.672.921.254	29.679.117.216

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	1.537.263.724	2.030.040.043
Chi phí nhân công	13.439.195.689	15.720.024.446
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.205.337.762	1.590.184.870
Thuế, phí, lệ phí	86.284.479	2.360.727.240
Hoàn nhập dự phòng	(59.723.654)	(42.323.924)
Trích lập Quỹ khoa học công nghệ	-	2.000.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.763.217.517	2.920.869.807
Chi phí khác bằng tiền	10.188.115.995	10.364.420.197
	31.159.691.512	36.943.942.679

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**27 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	113.950.000	1.277.246.044
Thu nhập từ sáp nhập Công ty cổ phần Cơ điện	-	187.256.286
Thu nhập từ hỗ trợ quản lý của đối tác đầu tư vào Công ty TNHH SAS-CTAMAD.	1.144.800.000	1.128.600.000
Thu nhập khác	185.710.246	205.257.472
	<u>1.444.460.246</u>	<u>2.798.359.802</u>

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản	20.670.419	1.093.571.084
Chi phí khác	241.612.020	326.500.000
	<u>262.282.439</u>	<u>1.420.071.084</u>

29 . PHÂN LÃI (LỖ) TRONG CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi trong năm của Công ty liên kết tương ứng với phần sở hữu của Công ty	36.236.833.232	45.045.289.909
Cổ tức Công ty liên kết chi trả cho Công ty trong năm	(58.800.000.000)	(42.626.000.000)
Phần chi trả quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm của Công ty liên kết tương ứng phần sở hữu của Công ty	(362.368.310)	(450.453.058)
	<u>(22.925.535.078)</u>	<u>1.968.836.851</u>

30 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**30.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	5.020.916.833	8.028.303.709
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	(1.382.096.668)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>5.020.916.833</u>	<u>6.646.207.041</u>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay	121.387.500	91.154.427
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	2.303.704.171	3.199.144.593
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp giảm do thoái vốn tại Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	-	(626.879.968)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(5.728.953.503)	(7.005.921.922)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	<u>1.717.055.001</u>	<u>2.303.704.171</u>

5-1
TY
HUU
ATC
SC
TP

30.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	49.964.750	89.134.198
	49.964.750	89.134.198
	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả kinh doanh		
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	89.134.198	964.284.556
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(49.964.750)	(89.134.198)
	39.169.448	875.150.358

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	55.738.939.374	68.146.215.154
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	55.738.939.374	68.146.215.154
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	32.089.370	32.105.207
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.737	2.123

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	217.886.004.497	226.114.159.635
Chi phí nhân công	54.246.100.885	58.308.802.637
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.532.759.717	9.856.940.216
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.257.181.170	15.172.954.097
Chi phí khác bằng tiền	27.661.097.216	44.458.300.841
	327.583.143.485	353.911.157.426

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trương đương tiền	18.095.793.648	-	52.978.788.551	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	103.157.252.094	(1.081.940.787)	98.994.003.470	(1.141.664.441)
Các khoản cho vay	100.628.000.000	-	54.723.000.000	-
	<u>221.881.045.742</u>	<u>(1.081.940.787)</u>	<u>206.695.792.021</u>	<u>(1.141.664.441)</u>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	11.229.600.000	14.866.800.000
Phải trả người bán, phải trả khác	22.754.444.098	32.858.364.122
Chi phí phải trả	1.052.753.611	842.888.700
	<u>35.036.797.709</u>	<u>48.568.052.822</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.095.793.648	-	-	18.095.793.648
Phải thu khách hàng, phải thu khác	102.075.311.307	-	-	102.075.311.307
Các khoản cho vay	100.628.000.000	-	-	100.628.000.000
	<u>220.799.104.955</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>220.799.104.955</u>
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	52.978.788.551	-	-	52.978.788.551
Phải thu khách hàng, phải thu khác	97.852.339.029	-	-	97.852.339.029
Các khoản cho vay	54.723.000.000	-	-	54.723.000.000
	<u>205.554.127.580</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>205.554.127.580</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2014				
Vay và nợ	11.229.600.000	-	-	11.229.600.000
Phải trả người bán, phải trả khác	22.754.444.098	-	-	22.754.444.098
Chi phí phải trả	1.052.753.611	-	-	1.052.753.611
	35.036.797.709	-	-	35.036.797.709
Tại ngày 01/01/2014				
Vay và nợ	14.866.800.000	-	-	14.866.800.000
Phải trả người bán, phải trả khác	32.858.364.122	-	-	32.858.364.122
Chi phí phải trả	842.888.700	-	-	842.888.700
	48.568.052.822	-	-	48.568.052.822

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

LƯU
 CO
 CH NH
 NG H
 A/
 N KI

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động thương mại	Hoạt động dịch vụ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	238.352.972.207	161.734.354.194	89.799.997.867	489.887.324.268
Chi phí bộ phận trực tiếp	189.957.997.684	158.778.359.348	69.619.541.142	418.355.898.174
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	48.394.974.523	2.955.994.846	20.180.456.725	71.531.426.094
Tài sản bộ phận trực tiếp	88.778.869.060	35.312.089.250	19.070.521.108	143.161.479.418
Tài sản không phân bổ	-	-	-	491.313.213.923
Tổng tài sản	88.778.869.060	35.312.089.250	19.070.521.108	634.474.693.341
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	28.752.810.406	11.766.754.006	9.300.789.139	49.820.353.551
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	26.243.396.227
Tổng nợ phải trả	28.752.810.406	11.766.754.006	9.300.789.139	76.063.749.778

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12 Đường Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn,
Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2014</u> VND	<u>Năm 2013</u> VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ, khác			
Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	428.615.200	16.311.122.853
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Cùng Công ty mẹ	64.189.917.251	26.383.932.719
Công ty CP Kinh doanh Vật tư THIBIDI	Cùng Công ty mẹ	99.626.948.000	30.898.879.500
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Cùng Công ty mẹ	2.376.000.000	2.405.139.440
Công ty CP Thiết bị điện	Cùng Công ty mẹ	2.319.360.947	10.085.677.600
Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam (Cambodia)	Cùng Công ty mẹ	1.998.420.000	-
Công ty CP Khí cụ điện I	Cùng Công ty mẹ	26.019.300	-
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ			
Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	6.679.094.752	7.973.249.440
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Cùng Công ty mẹ	6.576.604.116	9.345.516.888
Công ty CP Kinh doanh Vật tư THIBIDI	Cùng Công ty mẹ	27.102.873.361	10.551.290.409
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Cùng Công ty mẹ	16.114.700.658	-
Công ty CP Thiết bị điện	Cùng Công ty mẹ	103.971.897.000	16.100.000.000
Công ty CP Khí cụ điện I	Cùng Công ty mẹ	1.019.476.607	774.672.372
Lãi cho vay phát sinh trong kỳ			
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Cùng Công ty mẹ	700.000.000	735.616.500
Chi phí lãi vay			
Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	-	1.631.728.250
Cổ tức lợi nhuận được chia			
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Cùng Công ty mẹ	1.494.798.333	-
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	Công ty liên kết	58.800.000.000	42.626.000.000
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:			
	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2014</u> VND	<u>01/01/2014</u> VND
Phải thu tiền hàng			
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Cùng Công ty mẹ	40.534.363.186	5.404.233.839
Công ty CP Thiết bị điện	Cùng Công ty mẹ	413.199.842	8.481.615.010
Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam (Cambodia)	Cùng Công ty mẹ	2.236.979.250	-
Phải thu tiền cho vay			
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Cùng Công ty mẹ	10.000.000.000	10.000.000.000
Phải trả tiền hàng			
Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	1.570.271.164	999.230.751
Công ty CP Kinh doanh Vật tư THIBIDI	Cùng Công ty mẹ	383.102.088	1.252.294.149
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Cùng Công ty mẹ	9.823.787.684	-
Công ty CP Khí cụ điện I	Cùng Công ty mẹ	20.113.720	1.507.083

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

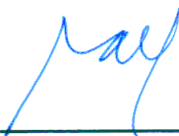
	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.819.339.693	1.873.400.000

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Dương Việt Nga
Người lập



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng



Phạm Mạnh Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2015